

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04/12/2025

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình - ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Hồng

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Phú Hữu

Ông Nguyễn Hồng Thơ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp.

Ngày 04 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp và Cơ sở Cai nghiện ma túy số 1, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án thụ lý số: 93/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 210/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 261/TB-TA ngày 01/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Bảo N, sinh năm 2004;

Địa chỉ: Ấp T, xã Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Tổ A, khóm B, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp; bị đơn có mặt tại điểm cầu thành phần là Cơ sở Cai nghiện ma túy số 1, tỉnh Đồng Tháp)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Bảo N trình bày:*

Chị N, anh Đ kết hôn với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Ngãi, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp).

Sau khi cưới nhau, chị N mới biết trước đó anh Đ đã bị nghiện và đi cai nghiện. Sau khi cưới nhau, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do anh Đ không chịu làm ăn, có hành vi bạo lực với chị N, mâu thuẫn hai bên ngày càng trầm trọng, không thể kéo dài, anh Đ thường xuyên chơi bời đã nhiều lần bị bắt và cảnh cáo tại Công an phường Mỹ Ngãi (nhưng công an không có lập biên bản, chỉ cảnh cáo rồi cho về)

Chị N và anh Đ đã ly thân từ ngày 14/5/2025 cho đến nay, chị N về nhà cha mẹ ruột sinh sống, hai bên không thể hàn gắn, từ tháng 8/2025 đến nay anh Đ đã đi cai nghiện, hiện đang ở Cơ sở Cai nghiện ma túy số 1, tỉnh Đồng Tháp. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Ngọc Khánh B, sinh ngày: 17/8/2022. Giới tính: Nữ. Từ khi ly thân cháu B sống với nhà nội (mẹ của anh Đ), do mẹ anh Đ chăm sóc vì gia đình anh Đ không cho chị N rước cháu B về nhà ngoại, chỉ 1-2 tuần cho đến thăm nhưng cũng không cho thăm lâu.

Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con là Trần Ngọc Khánh B, sinh ngày: 17/8/2022. Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho cháu B do chị N có đủ điều kiện nuôi con, hiện nay chị N có nghề nghiệp buôn bán quán cà phê và gia công ghế sofa, 1 tháng thu nhập khoảng hơn 14.000.000 đồng, còn anh Đ không có nghề nghiệp, vì anh Đ bị nghiện và phải đi cai nghiện. Trước khi đi cai nghiện thì anh Đ làm tài xế nhưng tự ý nghỉ việc, không cho gia đình hay.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu nào khác, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

** Tại văn bản ý kiến và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất về thời gian kết hôn với chị Trương Bảo N. Tuy nhiên, theo chị N trình bày anh tự ý nghỉ việc là không có mà do anh bị công ty cho nghỉ việc. Cũng không phải tự nhiên anh có hành vi bạo lực với chị N, vì chị N tự tập ăn nhậu. Tuy nhiên, nay anh cũng thống nhất ly hôn với chị N.

- Về con chung: anh không đồng ý theo yêu cầu của chị N vì anh cho rằng chị N không đủ điều kiện nuôi con, không lo lắng quan tâm con, cháu từ nhỏ đã sống bên nhà nội đã quen, anh vì thương con nên mới cai nghiện để về lo cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định nguyên đơn chị Trương Bảo N yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung với anh Trần Văn Đ, không có yêu cầu tài sản chung, nợ chung. Như vậy, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con” theo quy định tại Điều 51, Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và bị đơn anh Trần Văn Đ có địa chỉ cư trú tại phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Bảo N và anh Trần Văn Đ kết hôn năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Ngãi, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy chứng nhận kết hôn số 31/2022 ngày 27/9/2022, nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Trương Bảo N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn Đ vì mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn. Tại phiên tòa, anh Đ đồng ý ly hôn với chị N. Xét thấy, chị N và anh Đ tự nguyện thỏa thuận ly hôn, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên công nhận.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh Đ thống nhất có một con chung tên Trần Ngọc Khánh B, sinh ngày 17/8/2022, hiện cháu Khánh B đang sống tại nhà anh Đ. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Ngọc Khánh B. Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Không đồng ý lời trình bày của anh Đ là chị N bỏ bê con cái, chị N bỏ đi vì bị anh Đ có hành vi bạo lực, không cho chị N đem con đi.

Xét thấy, cha mẹ nào cũng yêu thương con và đều có nguyện vọng chăm sóc con tốt nhất. Theo chị N trình bày, hàng ngày chị đi làm gia công đến chiều về, nên chị sẽ gửi bé đi học, chiều rước về. Nhà chị có mẹ và bà ngoại hỗ trợ chị chăm sóc con. Đối với anh Đ trình bày, anh và con vui buồn với nhau lâu nay, anh đi cai nghiện để trở về chăm sóc cho con. Cháu B đã ở bên nội từ nhỏ, đã quen với nội, cha của anh Đ hiện đã về hưu, mẹ làm nội trợ nên hỗ trợ anh chăm sóc con được.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, cha mẹ phải có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con cái, còn ông bà chỉ hỗ trợ một phần. Xét về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Khánh B hiện nay. Theo thừa nhận của anh Đ thì trước khi anh Đ đi cai nghiện, anh Đ làm tài xế, thu nhập khoảng 6-7 triệu đồng/tháng, sau thì công ty cho nghỉ việc, chưa có việc làm ổn định, hiện anh Đ đang đi cai nghiện ma túy từ tháng 8/2025 đến tháng 02/2026, nên chưa đủ điều kiện về hoàn cảnh sống, kinh tế và môi trường giáo dục cháu Khánh B.

Đối với chị N trình bày, chị đang có nghề nghiệp làm gia công ghế sofa và bán cà phê, thu nhập ổn định trên 10.000.000 đồng/tháng. Cháu Khánh B hiện vẫn còn nhỏ (mới hơn 3 tuổi), giới tính là nữ, nên việc giao cho mẹ nuôi dưỡng để đảm bảo được chăm sóc, giáo dục về mặt tâm, sinh lý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N. Giao con chung tên Trần Ngọc Khánh B, sinh ngày 17/8/2022 cho chị Trương Bảo N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Bảo N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trần Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Bảo N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Bảo N và anh Trần Văn Đ.

1.2. Về con chung: Giao con chung Trần Ngọc Khánh B, sinh ngày 17/8/2022 cho chị Trương Bảo N được trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, con chung Trần Ngọc Khánh B đang sống tại nhà anh Trần Văn Đ.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Bảo N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003714 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự Đồng Tháp. Chị Trương Bảo N đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn

Anh Trần Văn Đ không phải chịu tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND KV6-ĐT;
- TAND Tỉnh Đồng Tháp;
- UBND phường Mỹ Ngãi (số 31/2022 ngày 27/9/2022 do UBND xã Mỹ Ngãi cấp)
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Hồng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Kiều Trần Văn Hải

Đặng Thị Thanh Châu